**Án lệ số /2018/AL về tình tiết phạm tội “có tổ chức” trong tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**

*Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày tháng năm và được công bố theo Quyết định số /QĐ-CA ngày tháng năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.*

**Nguồn án lệ:**

Quyết định giám đốc thẩm số 10/2013/HS-GĐT ngày 22-7-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với các bị cáo: 1/ Phan Chí L sinh năm 1950; trú tại khu phố B, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; khi phạm tội là Phó Giám đốc Công ty TNHH V; vợ là Nguyễn Thị H (cùng là người bị kháng nghị trong vụ án).

2/ Nguyễn Thị H sinh năm 1959; trú tại khu phố B, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; khi phạm tội là Giám đốc Công ty TNHH V.

\* *Người bị hại:* có 30 người bị hại, trú tại các tinh Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa.

**Vị trí nội dung án lệ:**

Đoạn 1 phần “Nhận định của Tòa án”.

**Khái quát nội dung của án lệ:**

***- Tình huống án lệ:***

Các bị cáo cố ý đưa ra những thông tin không đúng sự thật và thực hiện nhiều hành vi lừa dối khác để bị hại tin đó là sự thật và đưa tiền cho mình nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại. Các bị cáo tích cực thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành.

***- Giải pháp pháp lý:***

Trường hợp này, các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung là “Có tổ chức”.

**Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:**

- Điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015);

**Từ khoá của án lệ:**

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Phạm tội có tổ chức”; “Các tội xâm phạm sở hữu”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Khoảng tháng 6-2006, Phan Chí L đi thăm con tại Australia. Tại đây, L quen Dương Thị Minh P, quốc tịch Australia, gốc Việt Nam. P tự giới thiệu tên là Nguyễn Thị Hương hiện đang làm việc tại Bộ Di trú Australia, có khả năng đưa người Việt Nam định cư tại Australia. L đã nhờ P giúp đỡ để gia đình L được định cư tại Australia, P yêu cầu L chuẩn bị hồ sơ và nộp 35.000AUD (đô la Australia). P đưa cho L địa chỉ và số điện thoại của Nguyễn Thị Yến N (là cháu nuôi của P) đang trú tại số 171 T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh để gia đình L chuyển tiền và hồ sơ cho N. L đã điện thoại về Việt Nam cho vợ là Nguyễn Thị H thông báo lại tình hình và trong tháng 7-2006, thông qua anh Phạm Hải T ở thành phố Hồ Chí Minh, H chuyển cho Nguyễn Thị Yến N số tiền là 22.000AUD và 2.800USD (tương đương 325.000.000 đồng).

Tháng 9-2006, Phan Chí L về Việt Nam, P bố trí cho N đón L tại sân bay Tân Sơn Nhất và về khách sạn nghỉ đợi P. Hai ngày sau, P về Việt Nam rồi cùng nhau về nhà L tại thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; sau đó vợ chồng L và P cùng về thăm quê ở huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Trong thời gian ở quê, P biết nhiều người có nhu cầu đi du học và xuất khẩu lao động nên tung tin cho mọi người là P có khả năng làm được hồ sơ, thủ tục du học, du lịch và xuất khẩu lao động sang Australia. P đã hướng dẫn một số người làm hồ sơ và yêu cầu họ nộp tiền thông qua Phan Chí L, khoản tiền lệ phí cho một suất du học là 360.000.000 đồng, một suất xuất khẩu lao động là 270.000.000 đồng, du lịch là 100.000.000 đồng.

Theo lời khai của L tại cơ quan điều tra, P thỏa thuận với L, cứ một bộ hồ sơ xuất khẩu lao động thì vợ chồng L được hưởng 50.000.000 đồng, ngoài ra P sẽ xúc tiến nhanh việc định cư và mua cho gia đình L một căn nhà ở Australia. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26-10-2009 đến nay, L khai do bị ép cung chứ không có việc thỏa thuận như vậy, P chỉ hứa sẽ để lại 50.000.000 đồng để xây trường đào tạo nghề và thực tế P cũng chưa để lại số tiền này.

Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, P bàn với L thành lập Công ty TNHH V và vợ chồng L, H đã đến Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình để làm thủ tục thành lập Công ty. Ngày 10-10-2006, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Nguyễn Thị H làm Giám đốc, Phan Chí L làm Phó Giám đốc Công ty TNHH V. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: tư vấn học sinh du học; hướng dẫn thủ tục, giấy tờ thăm nhân, đoàn tụ, di trú, du lịch nước ngoài; giáo dục ngắn hạn: dạy ngoại ngữ phục vụ du học…

Mặc dù, Phan Chí L và Nguyễn Thị H biết Công ty TNHH V không có chức năng tuyển sinh du học và tuyển dụng xuất khẩu lao động nhưng sau khi có giấy phép kinh doanh, L đã phát hành thông báo, quảng cáo có nội dung không đúng để lôi kéo người dân nộp hồ sơ đi xuất khẩu lao động, đi du học như: quảng cáo công ty được ủy nhiệm làm đại diện tuyển sinh hầu hết các trường phổ thông trung học, cao đẳng, đại học của úc, Mỹ, Canada... xuất khẩu lao động đi Úc, Mỹ; hoặc thông báo tuyển lao động đi làm việc có thời hạn tại Australia. L còn nói dối là có cháu ở Australia, chồng làm ở Đại sứ quán Australia tại Việt Nam nên làm được hồ sơ đưa người đi du lịch, xuất khẩu lao động. Khi viết giấy nhận tiền của những người nộp hồ sơ đi du học, đi xuất khẩu lao động thì L đều viết giấy có nội dung: hẹn sau 03 tháng nếu không đi được sẽ hoàn trả số tiền đã nhận. Đến ngày hẹn, không có đối tượng nào xuất cảnh được, L lại lấy lý do hồ sơ còn thiếu và yêu cầu bổ sung để kéo dài thời gian.

Trong khoảng thời gian từ tháng 9-2006 đến tháng 5-2007, có 30 gia đình ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa đã nộp cho vợ chồng Phan Chí L 34 bộ hồ sơ đi du lịch, xuất khẩu lao động và du học. L đã thu của 30 gia đình bị hại tổng số tiền là 5.991.000.000 đồng và 16.200 USD (tương đương 6.250.200.000 đồng). Ngoài ra, L còn hướng dẫn và cung cấp số tài khoản tại ngân hàng của Nguyễn Thị Yến N để 04 người bị hại trực tiếp chuyển tiền cho N với tổng số tiền là 371.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các bị hại đã nộp cho vợ chồng L, H và chuyển vào tài khoản của N là 6.621.200.000 đồng.

Sau nhiều lần trong các tháng 02, 5 và 7-2007, những ngưòi bị hại nhận được thông báo: có mặt tại Công ty để đi Australia nhưng vẫn không đi được nên đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của Phan Chí L và đồng phạm đến Công an tỉnh Quảng Trị.

Quá trình điều tra, Phan Chí L và Nguyễn Thị H khai: tất cả số tiền nhận của những người bị hại, Vợ chồng L, H đã chuyển vào tài khoản của N và chuyển trực tiếp cho P với tổng số là 7,5 tỷ đồng (trong đó có hơn 1 tỷ đồng là do vợ chồng L, H vay hộ 09 người bị hại, khi nào có Visa thì những người này sẽ trả tiền cho vợ chồng L, H; việc vay này chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không có giấy tờ chứng minh). Việc chuyển 7,5 tỷ đồng thể hiện qua “Giấy chuyển nhận tiền” giữa vợ chồng L, H với Nguyễn Thị Yến N ngày 01-6-2007 (có chữ ký của N và được giám định là đúng chữ ký của N). Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu của Ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Quảng Trị thì từ ngày 11-9-2006 đến ngày 23-7-2007, vợ chồng L, H và một số người bị hại (do L, H yêu cầu) đã chuyển vào tài khoản của N tổng số tiền là 4.963.000.000 đồng, sốtiền này N đã rút khỏi tài khoản và bỏ trốn, hiện Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với Dương Thị Minh P và Nguyễn Thị Yến N.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2009/HSST ngày 29-7-2009, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; xử phạt Phan Chí L 09 năm tù, Nguyễn Thị H 07 năm tù đều về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 608, 613 Bộ luật dân sự, buộc Phan Chí L và Nguyễn Thị H liên đới bồi thường cho 28 người bị hại với tổng số tiền là 5.498.000.000 đồng và 16.200USD (riêng bà Nguyễn Thị H1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Tòa không xem xét; còn trường hợp bà Phạm Thị M thì Hội đồng xét xử không nhận xét gì).

Ngày 30-7-2009, Phan Chí L và Nguyễn Thị H kháng cáo kêu oan.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 04/2009/HSPT ngày 26-10-2009, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định hủy bản án hình sự sơ thẩm nêu trên để điều tra lại, với lý do: xác định tổng số tiền mà H đã chuyển cho N và giám định chữ ký của N tại giấy nhận tiền ghi ngày 01 -6-2007.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2010/HSST ngày 29-9-2010, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị áp dụng khoản 2 Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự; tuyên bố Phan Chí L và Nguyễn Thị H không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,(vềtrách nhiệm dân sự: những người bị hại có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự để yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản tiền bị thiệt hại).

Tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐ/KSĐT-KT ngày 12-10-2010, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị xét xử phúc thẩm lại theo hướng các bị cáo Phan Chí L và Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Người bị hại: ông Lê Đ kháng cáo cho rằng Phan Chí L và Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 139/2011/HSPT ngày 05-4-2011, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; giữ nguyên các quyết định của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Kháng nghị giám đốc thẩm số 02/QĐ-VKSTC-V3 ngày 28-3-2012, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy bản án hình sự phúc thẩm số 139/2011/HSPT ngày 05-4-2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và bản án hình sự sơ thẩm số 20/2010/HSST ngày 29-9-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị để điều tra lại.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Vềý thức chủ quan, Phan Chí L và Nguyễn Thị H biết Công ty TNHH V do mình thành lập chỉ có Giấy phép đăng ký kinh doanh là: tư vấn học sinh du học; hướng dẫn thủ tục, giấy tờ thăm nhân, đoàn tụ, di trú, du lịch nước ngoài; giáo dục ngắn hạn: dạy ngoại ngữ phục vụ du học; L và H cũng biết Dương Thị Minh P, không có Công ty được phép đưa người đi xuất khẩu laođộng, đi du lịch nước ngoài, du học nhưng L, H vẫn trực tiếp thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật. Phan Chí L và Nguyễn Thị H đã có hành vi lừa dối, cố ý đưa ra những thông tin không đúng sự thật nhằm để những người bị hại tin đó là sự thật để đưa tiền cho L và H. L tự giới thiệu P là cháu của L đang làm việc tại Australia, chồng làm ở Đại sứ quán Australia tại Việt Nam nên làm được hồ sơ đưa người đi du lịch, xuất khẩu lao động; đưa ra thông tin quảng cáo Công ty TNHH V được ủy nhiệm làm đại diện tuyển sinh hầu hết các trường phổ thông trung học, cao đẳng, đại học của Úc, Mỹ, Canada... xuất khẩu lao động đi Úc, Mỹ; hoặc thông báo tuyển lao động đi làm việc có thời hạn tại Australia. Khi viết giấy nhận tiền của những người nộp hồ sơ đi du học, đi xuất khẩu lao động thì L đều viết giấy có nội dung: hẹn sau 03 tháng nếu không đi được sẽ hoàn trả số tiền đã nhận. Đến ngày hẹn, không có đối tượng nào xuất cảnh được, L lại lấy lý do hồ sơ còn thiếu và yêu cầu bổ sung để kéo dài thời gian. Tất cả những hành vi lừa dối trên của vợ chồng L, H đều là nhằm mục đích chiếm đoạt, những người bị hại vì tin vào thông tin của L, H nên đã giao tiền cho các bị cáo với tổng số tiền là 6.621.200.000 đồng. Như vậy, phải xác định đây là vụ án phạm tội có tổ chức, trong đó P là kẻ chủ mưu, cầm đầu; L và H cùng thực hành, thực hiện tích cực hành vi phạm tội. Tuy vậy, việc xác định rõ số tiền thực tế mà L, H đã chiếm đoạt là chưa được điều tra làm rõ.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng các bị cáo L, H nhận tiền của những người bị hại nhưng đã chuyển, giao hết cho Nguyễn Thị Yến N (là cháu của P) được thể hiện qua giấy chuyển tiền có chữ ký của N với số tiền là 7,5 tỷ đồng nên L, H không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không có căn cứ. Mặt khác, theo tài liệu của Ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Quảng Trị thì từ ngày 11-9-2006 đến ngày 23-7-2007, vợ chồng L, H và một số người bị hại (do L, H yêu cầu) chỉ chuyển vào tài khoản của N số tiền là 4.963.000.000 đồng. Như vậy, phải khẳng định đây là trường hợp phạm tội có tổ chức. Trong đó, Dương Thị Minh P là kẻ chủ mưu, cầm đầu; Phan Chí L và Nguyễn Thị H đều là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm một cách tích cực. Tuy vậy, việc xác định rõ số tiền thực tế mà L và H đã chiếm đoạt chưa được điều tra làm rõ.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào khoản 3 Điều 285, Điều 287 và Điều 289 Bộ luật tố tụng hình sự,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Hủy bản án hình sự phúc thẩm số 139/2011/HSPT ngày 05/4/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và bản án hình sự sơ thẩm số 20/2010/HSST ngày 29/9/2010 của Tòa án nhân dân tinh Quảng Trị; chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra lại theo thủ tục chung.

**NỘI DUNG ÁN LỆ**

*“[1] Về**ý thức chủ quan, Phan Chí L và Nguyễn Thị H biết Công ty TNHH V do mình thành lập chỉ có Giấy phép đăng ký kinh doanh là: tư vấn học sinh du học; hướng dẫn thủ tục, giấy tờ thăm nhân, đoàn tụ, di trú, du lịch nước ngoài; giáo dục ngắn hạn: dạy ngoại ngữ phục vụ du học; L và H cũng biết Dương Thị Minh P, không có Công ty được phép đưa người đi xuất khẩu lao động, đi du lịch nước ngoài, du học nhưng L, H vẫn trực tiếp thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật. Phan Chí L và Nguyễn Thị H đã có hành vi lừa dối, cố ý đưa ra những thông tin không đúng sự thật nhằm để những người bị hại tin đó là sự thật để đưa tiền cho L và H. L tự giới thiệu P là cháu của L đang làm việc tại Australia, chồng làm ở Đại sứ quán Australia tại Việt Nam nên làm được hồ sơ đưa người đi du lịch, xuất khẩu lao động; đưa ra thông tin quảng cáo Công ty TNHH V được ủy nhiệm làm đại diện tuyển sinh hầu hết các trường phổ thông trung học, cao đẳng, đại học của Úc, Mỹ, Canada... xuất khẩu lao động đi Úc, Mỹ; hoặc thông báo tuyển lao động đi làm việc có thời hạn tại Australia. Khi viết giấy nhận tiền của những người nộp hồ sơ đi du học, đi xuất khẩu lao động thì L đều viết giấy có nội dung: hẹn sau 03 tháng nếu không đi được sẽ hoàn trả số tiền đã nhận. Đến ngày hẹn, không có đối tượng nào xuất cảnh được, L lại lấy lý do hồ sơ còn thiếu và yêu cầu bổ sung để kéo dài thời gian. Tất cả những hành vi lừa dối trên của vợ chồng L, H đều là nhằm mục đích chiếm đoạt, những người bị hại vì tin vào thông tin của L, H nên đã giao tiền cho các bị cáo với tổng số tiền là 6.621.200.000 đồng. Như vậy, phải xác định đây là vụ án phạm tội có tổ chức, trong đó P là kẻ chủ mưu, cầm đầu; L và H cùng thực hành, thực hiện tích cực hành vi phạm tội. Tuy vậy, việc xác định rõ số tiền thực tế mà L, H đã chiếm đoạt là chưa được điều tra làm rõ.”*